TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92**/2022/DS-ST
Ngày: 18-10-2022

V/v Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Chí Công
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Để
Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022 tại phòng xử án Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa cácđương sự:

1- Nguyên đơn: Ông NĐ, sinh năm 1983 là Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Địa chỉ cơ quan: K2, thị trấn T11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; (có mặt);

2- Bị đơn: Anh BĐ1, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Tạm trú: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu; (có mặt);

Và bà BĐ2, sinh năm 1950. Địa chỉ: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu; (có mặt);

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lq1, sinh năm 1946. Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố Cà Mau, tỉnh

Cà Mau; (có mặt);

- Ông Lq2 (vắng mặt);
- Anh Lq3 và vợ là Lq4 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang;

- Ông Lq5, sinh năm 1950. Địa chỉ: ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. HKTT: ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2021, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn Chấp hành viên ông NĐ trình bày: Theo nội dung Quyết định thi hành án số 63/QĐ-CCTHADS ngày 22/10/2007 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: ông Lq5, sinh năm 1950 cư trú ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh phải trả cho ông Lq1, sinh năm 1946 số vàng là 55 chỉ vàng 24k.

Hết thời gian tự nguyện ông Lq5 không tự nguyện thi hành án, Chấp hành viên phối hợp với chính quyền địa phương, các ngành đoàn thể của xã để vận động, thuyết phục ông Lq5 nhiều lần nhưng vẫn không tự nguyện thi hành án.

Chấp hành viên tiến hành xác minh thì biết ông Lq5 có tài sản là QSD đất do hộ ông (bà) BĐ2 là vợ ông Lq5 đứng tên.

Ngày 31/10/2008 thi hành án dân sự huyện An Minh đã tiến hành kê biên phần đất để thi hành án. Sau đó tổ chức bán đấu giá tài sản nhiều lần nhưng chưa có người mua.

Đến ngày 03/8/2016 Chi cục Thi hành án xác minh lại tài sản thì được biết tài sản bà BĐ2 đã lập thủ tục tặng cho con là BĐ1.

Anh NĐ Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà BĐ2 (vợ ông Lq5) với BĐ1 được UBND xã chứng thực ngày 25/02/2013 là vô hiệu; huỷ giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho BĐ1.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn BĐ2 trình bày: Vào năm 1987 cha bà BĐ2 là ông B có cho bà một số tiền để mua miếng đất lập nghiệp. Tổng diện tích mảnh đất trên 47.000m^2 và vào năm 1993 bà BĐ2 đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận QSD đất.

Năm 2013 bà BĐ2 chuyển nhượng một phần diện tích đất trên cho ông C, phần còn lại bà lập hợp đồng tặng cho con là BĐ1. Thủ tục tiến hành tặng cho và hợp đồng tặng cho thực hiện theo đúng quy định pháp luật, BĐ1 đã được cấp

giấy chứng nhận QSD đất thửa số 07 tờ bản đồ số 04 diện tích 22.899m^2 và sử dụng đất ổn định.

Bà BĐ2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì tranh chấp giữa ông Lq1 với ông Lq5 đã được Tòa án giải quyết không liên quan đến thửa đất do BĐ1 đứng tên.

Bị đơn anh BĐ1 trình bày: Anh BĐ1 không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà BĐ2 với anh BĐ1 vì phần đất này bà BĐ2 tặng cho anh hoàn toàn phù hợp pháp luật, anh BĐ1 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất vào tháng 4/2013, đã nhận đất sử dụng thời gian dài không ai tranh chấp; hiện nay giấy chứng nhận QSD đất anh BĐ1 không thế chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lq1 trình bày: Ông Lq1 yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Ông Lq1 thống nhất theo ý kiến của cơ quan thi hành án.

Tại công văn số 18/CV ngày 29/8/2022 của UBND xã ĐH xác định do phần đất kê biên từ năm 2008 trải qua qua nhiều thời kỳ lãnh đạo UBND xã, công chức địa chính phụ trách lĩnh vực đất đai trên địa bàn xã thay đổi nên không nắm rõ nên đã ký chứng thực hợp đồng chuyển quyền. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại công văn số 294/CV-UBND ngày 06/9/2022 UBND huyện An Minh có ý kiến xác định: Giấy chứng nhận QSD đất đã cấp là cấp cho hộ gia đình bà BĐ2. Việc tặng cho đất giữa bà BĐ2 với anh BĐ1 khi đất đang bị kê biên để đảm bảo thi hành án là có sai sót về mặt thủ tục.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh Bình: yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà BĐ2 với anh BĐ1 là vô hiệu; không yêu cầu hủy giấy đã cấp cho anh BĐ1 mà kiến nghị xử lý theo quy định.

- Bị đơn anh BĐ1, bà BĐ2: xác định phần đất này của riêng bà BĐ2 nên việc bà BĐ2 tặng cho đất anh BĐ1 là phù hợp pháp luật; anh BĐ1 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất hợp pháp. Vì vậy không đồng ý với yêu cầu hủy việc tặng cho của nguyên đơn.

- Người liên quan ông Lq1 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

- Về tuân theo pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đương sự đã thực hiện đúng

quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng người liên quan gồm ông Lq5, anh Lo, anh Lq3, chị Lq4 không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên vô hiệu đối với hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà BĐ2 với anh BĐ1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông NĐ là Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố việc tặng cho QSD đất giữa bà BĐ2 với anh BĐ1 là vô hiệu vì phần đất đã được kê biên để thi hành án. Do đó, quan hệ pháp luật có tranh chấp được xác định là tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự được quy định tại khoản 12 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp hành viên đã thực hiện các thủ tục tại Điều 75 Luật Thi hành án dân sự nên việc khởi kiện đúng quy định. Phần đất có tranh chấp tọa lạc xã ĐH, huyện An Minh nên Tòa án nhân dân huyện An Minh thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất đã cấp cho bị đơn anh BĐ1. Thấy rằng Giấy chứng nhận QSD đất của anh BĐ1 được cấp trên cơ sở Hợp đồng tặng cho QSD đất từ bà BĐ2 sang anh BĐ1. Nói cách khác Giấy chứng nhận QSD đất của anh BĐ1 được cấp trên cơ sở thủ tục chuyển QSD đất, không phải là cấp lần đầu. Trong trường hợp này cơ quan có thẩm quyền sẽ chỉnh lý biến động theo kết quả giải quyết của Tòa án. Vì vậy, Tòa án không cần phải hủy Giấy và không đưa cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho anh BĐ1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đồng thời, tại phiên tòa, nguyên đơn xác định rút lại yêu cầu hủy giấy nên HĐXX không xét việc hủy giấy.

[3] Nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà BĐ2 với anh BĐ1 và hợp đồng này đã được UBND xã ĐH, huyện An Minh chứng thực.

Thấy rằng việc chứng thực này là thực hiện thủ tục hành chính theo nhiệm vụ được giao, không ai yêu cầu liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cơ quan đã chứng thực nên Tòa án không đưa UBND xã ĐH, huyện An Minh tham gia tố tụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Lq5, anh Lq2, anh Lq3 và vợ là Lq4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, lý do khách quan nên HĐXX xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Theo Bản án số 218/DSPT ngày 10/12/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, ông Lq5 có trách nhiệm trả cho ông Lq1 số vàng là 55 chỉ vàng 24k. Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh đã ra Quyết định thi hành án số 63/QĐ-CCTHADS ngày 22/10/2007 buộc ông Lq5 trả vàng cho ông Lq1. Trong quá trình tổ chức thi hành án, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh đã ra Quyết định số 01/QĐ-THA ngày 16/10/2008 kê biên phần đất tại ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang do bà BĐ2 là vợ ông Lq5 đứng tên để thi hành án. Đến ngày 25/02/2013 bà BĐ2 lập Hợp đồng tặng cho QSD đất cho con BĐ1 phần đất có diện tích 22.899m^2 tọa lạc ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; hợp đồng được UBND xã ĐH chứng thực 25/02/2013; đến ngày 04/4/2013 anh BĐ1 được UBND huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BD 910272.

[5] Xét việc tặng cho QSD đất giữa bà BĐ2 cho con là BĐ1 thấy rằng: QSD đất là tài sản đặc biệt nên người sử dụng đất chỉ được thực hiện quyền của mình khi được phép và phải tuân theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Trong đó việc chuyển quyền sử dụng đất phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện mà pháp luật đất đai quy định. Theo quy định tại Điều 106 Luật Đất đai năm 2003 (luật có hiệu lực điều chỉnh tại thời điểm giao dịch) thì "*Người sử dụng đất được thực hiện các quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất; thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 110; khoản 2 và khoản 3 Điều 112; các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 113; khoản 2 Điều 115; điểm b khoản 1, các điểm b, c, d, đ và e khoản 3 Điều 119; điểm b khoản 1, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 120 của Luật này khi có các điều kiện sau đây: (a) Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (b) Đất không có tranh chấp; (c) Quyền sử dụng đất không*

bị kê biên để bảo đảm thi hành án; (d) Trong thời hạn sử dụng đất”.

Thời điểm bà BĐ2 lập thủ tục tặng cho QSD đất cho anh BĐ1 là tháng 02 năm 2013. Trong khi phần đất bà BĐ2 tặng cho anh BĐ1 có một phần diện tích đã bị cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định kê biên để thi hành án từ năm 2008 và tổ chức đấu giá nhiều lần, đến năm 2013 thì quyết định kê biên vẫn còn tồn tại. Đối chiếu quy định pháp luật cho thấy việc tặng cho QSD đất giữa bà BĐ2 với anh BĐ1 đã vi phạm quy định “*Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án*”. Vi phạm này do quá trình lập thủ tục bà BĐ2, anh BĐ1 không khai báo; cơ quan chức năng, trong đó có UBND xã ĐH đã thiếu kiểm tra dẫn đến chứng thực và thực hiện các thủ tục chuyển quyền theo quy định. Do đó việc tặng cho QSD đất của bà BĐ2 cho anh BĐ1 đã vi phạm điều kiện về giao dịch dân sự tại Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[6] Xét về chủ thể tặng cho QSD đất: Theo hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà BĐ2 với anh BĐ1 được UBND xã ĐH chứng thực ngày 25/02/2013 thể hiện bên tặng cho chỉ một mình bà BĐ2 ký tên, không có các thành viên khác trong hộ gia đình; không có tài liệu, văn bản khác thể hiện các thành viên còn lại đồng ý việc tặng cho; không có văn bản thể hiện bà BĐ2 được đại diện hộ gia đình thực hiện giao dịch. Trong khi Giấy chứng nhận QSD đất do bà BĐ2 đứng tên được UBND huyện An Minh cấp ngày 09/01/2004 thể hiện giấy cấp cho hộ ông (bà) BĐ2; tại văn bản trao đổi thông tin cơ quan cấp giấy chứng nhận QSD đất là UBND huyện An Minh xác định giấy chứng nhận QSD đất được cấp cho hộ gia đình.

Bà BĐ2 có nêu ý kiến phần đất này là tài sản riêng của bà BĐ2 vì bà chuyển nhượng từ nguồn tiền cha mẹ ruột bà cho bà; bà và ông Lq5 sống chung từ năm 1971 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, phần đất này do bà BĐ2 chuyển nhượng trong thời kỳ sống chung với ông Lq5, giấy chứng nhận ghi cấp cho hộ ông (bà), không phải cấp cho một mình bà BĐ2. Vì vậy, để xác định là tài sản riêng bà BĐ2 phải yêu cầu và được cơ quan có thẩm quyền kết luận là tài sản riêng của bà. Kể cả trong trường hợp cơ quan thi hành án kê biên phần đất thì bà BĐ2 vẫn có quyền nộp đơn tranh chấp về tài sản bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự và pháp luật tố tụng dân sự để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình.

[7] Tại thời điểm bà BĐ2 thực hiện thủ tục tặng cho QSD đất thì tài sản vẫn thể hiện là của hộ gia đình bà BĐ2. Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của hộ gia đình được quy định tại Điều 109 Bộ luật Dân sự năm 2005

như sau: "(*1) Các thành viên của hộ gia đình chiếm hữu và sử dụng tài sản chung của hộ theo phương thức thoả thuận. (2) Việc định đoạt tài sản là tư liệu sản xuất, tài sản chung có giá trị lớn của hộ gia đình phải được các thành viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý; đối với các loại tài sản chung khác phải được đa số thành viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý"*.

Trong khi đó việc chuyển nhượng QSD đất chỉ một mình bà BĐ2 thực hiện, các thành viên khác cũng không có ủy quyền cho bà BĐ2 thực hiện giao dịch; giao dịch của bà BĐ2 thực hiện cũng không phải vì lợi ích chung của hộ gia đình. Do đó giao dịch do bà BĐ2 thiết lập với anh BĐ1 đã vi phạm về chủ thể của bên tặng cho (bên bà BĐ2) trong thực hiện giao dịch nên giao dịch này đã không đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[8] Từ các phân tích nêu trên cho thấy Hợp đồng tặng cho QSD đất do bà BĐ2 xác lập với anh BĐ1 được UBND xã ĐH chứng thực ngày 25/02/2013 vừa vi phạm về chủ thể tặng cho, vừa vi phạm điều kiện chuyển quyền sử dụng đất nên HĐXX căn cứ Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2005 xác định Hợp đồng tặng cho QSD đất được UBND xã ĐH chứng thực ngày 25/02/2013 giữa bà BĐ2 với anh BĐ1 là vô hiệu. Từ đó, HĐXX thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà BĐ2 với anh BĐ1 là vô hiệu.

Đối với Giấy chứng nhận QSD đất số BD 910272 do UBND huyện An Minh cấp cho anh BĐ1 ngày 04-4-2013 là cấp theo thủ tục chuyển quyền sử dụng đất giữa bà BĐ2 với anh BĐ1. Do giao dịch chuyển quyền sử dụng đất đã bị tuyên bố vô hiệu nên HĐXX kiến nghị Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào Bản án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận QSD đất cho phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án. Buộc anh BĐ1 có trách nhiệm giao nộp bản chính cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục.

[9] Đối với những người đang trực tiếp sử dụng đối với phần đất do không có yêu cầu gì nên không xét. Nếu có phát sinh tranh chấp có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[11] Về chi phí tố tụng: Gồm chi phí khai thác hồ sơ 250.000 đồng, chi

phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.449.000 đồng, chi phí thẩm định giá tài sản 10.073.000 đồng, tổng cộng là 12.772.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí theo quy định tại Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Số tiền này nguyên đơn Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã nộp tạm ứng, nên anh BĐ1, bà BĐ2 phải có trách nhiệm trả cho Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 157, 165, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 108, 109, 122, 127, 128 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 106 Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh NĐ.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho QSD đất giữa bà BĐ2 với anh BĐ1 được UBND xã ĐH chứng thực ngày 25/02/2013 đối với phần đất tọa lạc ấp HĐ, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là vô hiệu.

Kiến nghị Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào Bản án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận QSD đất cho hộ bà BĐ2. Buộc anh BĐ1 có trách nhiệm giao nộp bản chính Giấy chứng nhận QSD đất số BD 910272 do UBND huyện An Minh cấp cho anh BĐ1 ngày 04-4-2013 để cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục theo quy định.

2- Về án phí: Bị đơn bà BĐ2, anh BĐ1 cùng chịu là 300.000 đồng.

3- Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà BĐ2, anh BĐ1 phải chịu chi phí tố tụng là 12.772.000 đồng, gồm: chi phí khai thác hồ sơ 250.000 đồng, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.449.000 đồng, chi phí định giá tài sản là 10.073.000 đồng.

Số tiền này nguyên đơn Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện đã nộp tạm ứng, nên anh BĐ1, bà BĐ2 phải có trách nhiệm hoàn trả cho Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện số tiền chi phí tố tụng là 12.772.000 đồng.

4- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan ông Lq1 có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa (ông Lq5, anh Lo, anh Lq3 và chị Lq4) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- UBND X. ĐH, AM, KG;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công